Trường TH& THCS Hiền Hào

Tổ: THCS

GV: Hà Quang Ái

**Bài 6. BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

Môn: Ngữ văn

(Thời gian thực hiện: 13 tiết)

**Tiết theo PPCT: 73-74-75**

**ĐỌC VĂN BẢN**

**ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG, ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG, CON MỐI VÀ CON KIẾN**

**I. MỤC TIÊU: nn1127knttf7077knttf**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm truyện ngụ ngôn, tục ngữ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò *"Tam sao thất bản",* để học sinh tìm ra những chuyện cổ có trong bài thơ

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  | **Ă** | **N** | **C** | **H** | **Á** | **O** | **Đ** | **Á** | **B** | **Á** | **T** |  |  |  |  | **11** |
| **2** | **K** | **H** | **Ô** | **N** | **B** | **A** | **N** | **Ă** | **M** | **D** | **Ạ** | **I** | **M** | **Ộ** | **T** | **G** | **I** | **Ờ** |  | **18** |
| **3** |  |  | **N** | **G** | **Ự** | **A** | **N** | **O** | **N** | **H** | **Á** | **U** | **Đ** | **Á** |  |  |  |  |  | **12** |
| **4** | **K** | **Í** | **N** | **H** | **G** | **I** | **À** | **G** | **I** | **À** | **Đ** | **Ể** | **T** | **U** | **Ổ** | **I** | **C** | **H** | **O** | **19** |
| **5** |  |  | **C** | **H** | **Â** | **N** | **Y** | **Ế** | **U** | **T** | **A** | **Y** | **M** | **Ề** | **M** |  |  |  |  | **13** |

**CHÍNH KIẾN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Cách 1: Hình ảnh sau gợi nhắc đến câu ca dao nào? Em hiểu như thế nào về câu ca dao ấy?*  Kỳ lạ vùng đất cây cối nghiêng ngả như sóngChuyện vui về “Kiềng ba chân” trong Phật học  *Cách 2:*  *+ Gv tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật. Có một từ khóa gồm 9 kí tự. Để giải mã được từ khóa, hs lần lượt lật mở 5 hàng ngang*  *Hàng ngang 1: Dùng để phê phán những kẻ được người khác giúp đỡ nhưng lại vô ơn, thậm chí phản lại người đã giúp mình.*  *Hàng ngang 2: Dùng để chỉ người nào đó nhẹ dạ cả tin, mặc dù trước đó họ vô cùng cẩn thận nhưng bây giờ lại vì phút nông nổi mà nhận lấy hậu quả khôn lường.*  *Hàng ngang 3: Dùng để chỉ những người trẻ tuổi hung hang, hiếu thắng, không biết lượng sức mình.*  *Hàng ngang 4: Điền vế còn thiếu vao câu sau: “Yêu trẻ, trẻ đến nhà, ….”*  *Hàng ngang 5: Dùng để tả những người phụ nữ mảnh mai, yếu ớt, không làm được việc nặng nhọc, to tát.*  *+ Em hiểu thế nào là Chính kiến?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - Gv tổ chức trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: | *Gợi ý:*  Cách 1:  Dù ai nói ngả nói nghiêng  Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân   => Nói về đức tính tự chủ của con người, giữ vững lập trường, tinh thần không bị lung lay, dao động, trước lời nói của người khác.  Vậy khi mất đi yếu tố này, con người chúng ta sẽ ra sao? Văn bản “Đẽo cày giữa đường” sẽ giúp chúng ta có câu trả lời  Cách 2: Từ khóa “Chính kiến”  => nhận thức và quan điểm của cá nhân trước vấn đề, sự việc nào đó.  Vậy bảo vệ chính kiến của cá nhân có quan trọng hay không? Cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản “Đẽo cày giữa đường” |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được thông tin và chủ đề và nêu được đặc điểm thơ trữ tình hiện đại

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Em hãy cho biết tên chủ đề, chủ đề gợi ra điều gì? Thể loại chính và các văn bản trong chủ đề*  *+ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và hoàn thiện PHT số 1*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Yếu tố* | *Khái niệm/ đặc điểm* | *Ví dụ* | | *Truyện ngụ ngôn* |  |  | | *Tục ngữ* |  |  | | *Thành ngữ* |  |  | | *Nói quá* |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**  **1. Tìm hiểu giới thiệu bài học**  - Tên chủ đề: Bài học cuộc sống: Mỗi ngày đi qua, chúng ta học hỏi được nhiều bài học thông qua việc học trong nhà trường, những chuyến đi, học hỏi từ những người xung quanh, cuốn sách, bộ phim...  - Thể loại chính: Truyện ngụ ngôn và tục ngữ  - Các văn bản chính:  + Đẽo cày giữa đường (Ngụ ngôn Việt Nam)  + Ếch ngồi đáy giếng (Trang Tử)  + Con mối và con kiến (Nam Hương)  + Con hổ có nghĩa (Vũ Trinh)  **2. Tri thức ngữ văn** |
| **.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Khái niệm/ đặc điểm*** | ***Ví dụ*** | | *Truyện ngụ ngôn* | - Khái niệm: Truyện ngụ ngôn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.  - Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn:  + Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi.  + Nhân vật ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hoá (biết nói năng, có tính cách, tâm lí như con người).  + Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước. | *Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi…* | | *Tục ngữ* | Tục ngữ thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu nói ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống. | *Uống nước nhớ nguồn*  *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*  *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống* | | *Thành ngữ* | Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố. | *Ăn cháo đá bát*  *Ngựa non háu đá*  *Qua cầu rút ván* | | *Nói quá* | Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười. | *Dân công đỏ đuốc từng đoàn/ Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay*  *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng/ Ngày tháng mười chưa cười đã tối* |   **.** | |

**Hoạt động 2: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***NV1: Hướng dẫn học sinh đọc***  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *+ Hướng dẫn cách đọc*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  **Văn bản 1:** Đẽo cày giữa đường  1. Theo dõi: Số tiền người thợ mộc bỏ ra mua gỗ.  2. Theo dõi: Hành động của người thợ mộc mỗi khi nhận được lời khuyên của người qua đường.  3. Suy luận: Vì sao người thợ mộc không bán được cày?  **Văn bản 2:** Ếch ngồi đáy giếng  1. Theo dõi: Sự khác nhau về môi trường sống của ếch và rùa.  2. Theo dõi: Những điều khiến ếch cảm thấy sung sướng.  3. Theo dõi: Biểu hiện của ếch khi được nghe về biển.  **Văn bản 3:** Con mối và con kiến  1. Theo dõi: Mối có thái độ như thế nào khi thấy kiến làm việc vất vả?  2. Theo dõi: Kiến tỏ thái độ ra sao về lối sống của mối?  3. Theo dõi: Lối sống của mối gây ra hậu quả nghiêm trọng như thế nào?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ*  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  *- HS thực hiện nhiệm vụ*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***  *- HS trình bày sản phẩm*  *- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức* | **II. Đọc**  - HS chú ý giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,…  - Chú ý các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn  **Văn bản 1:** Đẽo cày giữa đường  1. Theo dõi:  - Người thợ mộc bỏ ra 300 quan tiền.  2. Theo dõi:  - Người thợ mộc đều cho là phải và đẽo cày theo ý của những người qua đường đó.  3. Suy luận:  - Vì những chiếc cày anh đẽo ra đều không phù hợp với việc cày ruộng.  **Văn bản 2:** Ếch ngồi đáy giếng  1. Theo dõi:  - Ếch: sống trong giếng → nhỏ bé, hạn hẹp.  - Rùa: sống ở biển Đồng → rộng lớn, mênh mông.  2. Theo dõi:  - Ếch có thể ra khỏi giếng, nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô giếng, ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng. Bơi trong nước thì nước đỡ nách và cằm, nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tới mắt cá. Ngó lại phía sau, thấy những con lăng quăng, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng. Vả lại một mình chiếm một chỗ nước tụ, tự do bơi lội trong một cái giếng sụp, còn vui gì hơn nữa?  3. Theo dõi:  - Ngạc nhiên thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.  **Văn bản 3:** Con mối và con kiến  1. Theo dõi:  - Mối chê cười kiến làm việc vất vả.  2. Theo dõi:  - Kiến phê phán lối sống của mối.  3. Theo dõi: Lối sống của mối gây ra hậu quả nghiêm trọng như thế nào? |

**Hoạt động 3: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 1, 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Câu 1: Người thợ mộc trong truyện Đẽo cày giữa đường đã xử sự thế nào trước mỗi lời khuyên, khiến công sức và của cải “đi đời nhà ma”?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lần** | **Cách xử sự** | **Nhận xét về cách xử sự của người thợ mộc và hậu quả** | |  |  |  | |  |  | |  |  |   *Câu 2: Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện này, em sẽ làm gì trước những lời khuyên như vậy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở (thế nào là thần thoại suy nguyên)  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 2:**  Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện đầu tiên em sẽ cảm ơn những lời góp ý từ những người qua đường. Tuy nhiên, mọi lời góp ý không phải lúc nào cũng tốt và cũng đúng nên em sẽ xem xét, tìm hiểu kĩ sư đúng đắn trong lời góp ý của từng người. Nếu như nó hợp lý thì em sẽ làm theo, còn nếu như nó không hợp lý thì không nên tiếp nhận sự góp ý đó |
| **Câu 1:**  **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lần** | **Cách xử sự** | **Nhận xét về cách xử sự của người thợ mộc và hậu quả** | | Một người nói: “Phải đẽo cày cho cao, cho to, thì mới dễ cày” | Anh ta cho là phải | Người thợ mộc trước những lời góp ý của mọi người đều làm theo mà không hề suy nghĩ. Cuối cùng, phản ứng ấy được chính người thợ mộc tự hiểu ra là sai lầm, biết rằng “dễ nghe người là dại” (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), để đến nỗi “quá muộn rồi, không sao chữa được nữa”. | | Người khác lại nói: “Có đẽo nhỏ hơn, thấp hơn mới dễ cày” | Anh ta lại cho là phải | | Người khác lại bảo: “Đẽo to gấp đôi, gấp ba thế này để voi cày được…” | Liền đẽo ngay một lúc bao nhiêu cày to gấp năm, gấp bảy lần |   **.** | |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 3,4,5**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Câu 3: Những điều gì làm cho con ếch trong truyện Ếch ngồi đáy giếng cảm thấy sung sướng?*   |  |  | | --- | --- | | **Điều làm con ếch cảm thấy sung sướng** | **Chi tiết thể hiện** | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   *Câu 4: Hãy chỉ ra những điểm khác biệt về môi trường sống của ếch và rùa. Sự khác biệt đó ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức và cảm xúc của hai con vật?*  *Câu 5: Vì sao con ếch “ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối”?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 3:** Ếch thấy mình sung sướng vì:   |  |  | | --- | --- | | **Điều làm con ếch cảm thấy sung sướng** | **Chi tiết thể hiện** | | sung sướng vì có cuộc sống tự do tự tại | Tôi có thể ra khỏi giếng, nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô giếng, ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng. Bơi trong nước thì nước đỡ nách và cằm tôi, nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá | | sung sướng vì thấy những con vật khác không bằng mình | Ngó lại phía sau, thấy những con lăng quăng, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi | | sung sướng vì tự hào với địa vị “chúa tể” của mình ở trong giếng. | Vả lại một mình chiếm một chỗ nước tụ, tự do bơi lội trong một cái giếng sụp, còn vui gì hơn nữa? | | sung sướng đến mức khoe khoang với rùa về “thế giới trong giếng” của mình. | Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết? |   **Câu 4:**  - Ếch sống trong một không gian hẹp (một cái giếng sụp), vận động trong khoảng không gian hẹp (chỉ từ miệng giếng vào đến trong giếng), tiếp xúc với những con vật nhỏ bé nên chưa hề biết tới sự rộng lớn và bao điều mới lạ khác của thế giới bên ngoài. Vì vậy, ếch đã cảm thấy sung sướng với cái “thế giới” nhỏ bé mình đang sống và thực sự choáng ngợp trước cái vĩ đại của biển.  – Rùa sống ở một không gian rộng (biển), sống lâu (nên lớn đến nỗi không vào nổi trong giếng), chứng kiến nhiều điều (rùa đã đi đây đi đó, chí ít là đã băng qua con đường từ biển tới nơi có cái giếng),... Vì vậy, rùa đã lùi lại (biểu thị việc không còn quan tâm đến cái thế giới nhỏ bé của ếch) và kể cho ếch biết về niềm sung sướng mà rùa được trải nghiệm (“cái vui lớn của biển đồng”).  **Câu 5:** Ếch có thái độ như vậy vì nó thấy choáng ngợp trước cái không gian của biển cả, nó thấy kiến thức của bản thân mình quá hạn hẹp cũng như sự sung sướng của bản thân nó chỉ có được do môi trường sống nhỏ của nó mà thôi. Nó tự thấy xấu hổ vì đã đưa ra lời mời không thiết thực và tự hào về cái giếng của bản thân nó trước rùa |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 6, 7**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Câu 6: Trong truyện Con mối và con kiến, quan niệm sống của mối và kiến bộc lộ như thế nào qua các lời thoại của chúng?(hs làm PHT số 3)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Quan niệm sống** | **Biểu hiện** | | Mối |  |  | |  |  | | Kiến |  |  | |  |  |   *Câu 7: Theo em, thiện cảm của người kể chuyện được dành cho mối hay cho kiến?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 6**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Quan niệm sống** | **Biểu hiện** | | Mối | Không muốn lao động, sợ vất vả | - Ngồi trong nhà nhìn ra ngoài  - Ngồi tựa lưng trên chiếc ghế chéo, bên chiếc bàn tròn  - Lười vận động nên cơ thể béo mập và chậm chạp  - Nói với kiến: Tội tình gì lao khổ lắm thay! | | Chỉ biết hưởng thụ trước mắt, chỉ nghĩ đến bản thân | - Ăn no béo trục béo tròn  - Chỉ biết an hưởng nhà cao cửa rộng, của nải đầy tủ, đầy hòm  - Không nhận ra rằng chỉ biết sống hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp sẽ chẳng thể được bền lâu | | Kiến | Không ngại vất vả | - Sẵn sàng ra ngoài làm việc dù vất vả, khiến cơ thể gầy gò  - Ý thức: hễ có làm thì mới có ăn | | Biết lo xa, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng, sống vì mọi người | - Vì nhận thức sinh tồn là cuộc khó khăn nên chủ động lo xa, chuẩn bị cho tương lai lâu dài, bền vững  - Quan tâm đến trên địa cầu muôn loại  - Ý thức: vì đàn vì tổ, vun thu xứ sở |   **Câu 7:**  Thiện cảm của người kể chuyện được dành cho kiến. Vì rõ ràng, với việc miêu tả mối như một kẻ vị kỉ, lười biếng, chỉ biết hưởng thụ cho “béo trục béo tròn” (lưu ý cách dùng cụm từ này trong chính lời đối thoại của nhân vật mối, cụm từ này thường có sắc thái đánh giá tiêu cực), còn kiến tuy gầy gò, vất vả, nhưng luôn chăm chỉ, cố gắng, biết sống vì người khác, biết lo cho cái chung, biết hướng tới tương lai vững bền,... |
| **NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 8**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Gv sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn*  CHUYN Cy c u n c da i  *Câu 8: Nêu những điểm giống nhau về nội dung của ba truyện ngụ ngôn: Đẽo cày giữa đường, Ếch ngồi đáy giếng, Con mối và con kiến.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 8**  Điểm giống nhau của ba câu chuyện này, đó là:  - Đều mượn lời của nhân vật là con vật để nói lên những tư tưởng, quan điểm của bản thân. Những con vật được nhân hóa như con người có những suy nghĩ và tình cảm riêng  - Đều để lại những kinh nghiệm quý báu, những đạo lí làm người đúng đắn mà mỗi cá nhân cần học hỏi khi sống trong xã hội  + Đẽo cày giữa đường: “Dễ nghe người là dại” (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), cần cẩn trọng trước khi làm một việc gì đó.  + Ếch ngồi đáy giếng: cần rèn cho mình đức tính kiên trì, chịu khó học hỏi, mở rộng hiểu biết, không được tự mãn với những điều mình đã biết  + Con mối và con kiến: quan niệm sống chỉ biết nghĩ cho bản thân, chỉ biết hưởng thụ cuộc sống mà lười lao động thì cuộc sống tốt đẹp sẽ chẳng bền lâu Bên cạnh đó, chuyện Con mối và con kiến ra đời trong thời điểm nước ta đang bị đô hộ bởi thực dân Pháp nên ngoài bài học kể trên, còn có bài học về trách nhiệm của công dân với nước nhà. |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Đẽo cày giữa đường: Thông qua câu chuyện ông cha ta muốn khuyên nhủ mọi người hãy giữ vững quan điểm lập trường kiên định bền gan bền trí để đạt được mục tiêu của chính mình, không giao động và lắng nghe ý kiến người khác một cách chọn lọc, có cân nhắc, có suy nghĩ đúng đắn.  - Ếch ngồi đáy giếng: Từ câu chuyện về cách nhìn thế giới bên ngoài chỉ qua miệng giếng nhỏ hẹp của chú ếch, truyện “Ếch ngồi đáy giếng” ngụ ý phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà huênh hoang, khuyên nhủ người ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan, kiêu ngạo.  - Con mối và con kiến: Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Từ đó khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.  **2. Nghệ thuật**  - Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống.  - Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, độc đáo, đặc sắc.  - Sử dụng ẩn dụ, so sánh.  - Lời kể ngắn gọn nhưng thâm thúy. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*Ai là triệu phú” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Gv tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú”* |  |
| Câu 1: Đọc truyện “Đẽo cày giữa đường”. Chi tiết người thợ mộc bỏ ra ba trăm quan tiền mua gỗ thể hiện điều gì?  A. Sự tiêu xài hoang phí.  B. Người thợ mộc có những toan tính hợp lí, đủ sức để đưa cửa hàng phát triển từng ngày.  C. Gỗ rất đắt.  **D. Người thợ mộc quyết tâm đầu tư làm giàu.**  Câu 2: Đọc truyện “Ếch ngồi đáy giếng”. Những con vật nào được ếch đem ra so với mình?  **A. Lăng quăng, cua, nòng nọc.**  B. Cóc, nhá, chẫu chàng.  C. Sư tử, hổ, voi  D. Rùa, thỏ, chim, cá.  Câu 3: Đọc truyện “Đẽo cày giữa đường”. Vì sao những lời góp ý của người qua đường không giúp người thợ mộc bán được cày?  **A. Họ chỉ là những người qua đường, không phải người thực sự có nhu cầu mua cày. Có thể họ chỉ góp ý cho vui, chứ hoàn toàn không có hiểu biết về điều mình góp ý hoặc không có thiện chí giúp anh thợ mộc.**  B. Thông tin người qua đường cung cấp không được người thợ mộc kiểm chứng, suy xét thấu đáo nên việc đẽo cày theo những ý kiến như vậy là hoàn toàn viển vông, phi thực tế.  C. Vì những lời góp ý đó đều đến từ những người ghen ghét anh thợ mộc. Họ muốn phá anh thợ mộc.  D. Cả A và B.  Câu 4: Đọc truyện “Ếch ngồi đáy giếng”. Sự so sánh với những con vật sống gần mình đã ảnh hưởng đến nhận thức của ếch như thế nào?  A. Ếch luôn tôn trọng, bênh vực kẻ yếu.  **B. Ếch hoàn toàn cảm thấy tự tin và cho rằng không ai bằng mình.**  C. Ếch luôn quan niệm “Người mạnh hơn là những người phải giúp được cho người khác cùng mạnh hơn”.  D. Cả A và C.  Câu 5: Đọc truyện “Đẽo cày giữa đường”. Ta có thể đánh giá thế nào về người thợ mộc qua việc anh ta nghe theo các lời khuyên rồi thay đổi cách thức đẽo cày của mình?  **A. Người thợ mộc không có suy xét, đánh giá đúng/sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng.**  B. Người thợ mộc có hiểu biết, cập nhật được xu thế của thời đại, không bị lạc hậu và bỏ lại phía sau.  C. Người thợ mộc chưa được bố của anh ta truyền nghề hoàn toàn nên chỉ biết đẽo cày chứ chưa biết làm ăn.  D. Người thợ mộc có suy xét, đánh giá đúng/sai, tìm hiểu thực tế, nghe và tin một cách có căn cứ  Câu 6: Đọc truyện “Đẽo cày giữa đường”. Câu nào thể hiện mức độ “dại” của người thợ mộc tăng lên?  A. Lần 1 suy ngẫm một lúc rồi đẽo, lần 2 cho là phải – đẽo, lần 3 cho là phải – lại đẽo.  B. Lần 1 không đẽo, lần 2 cho là phải – đẽo, lần 3 đẽo liền ngay.  C. Lần 1 đẽo liền ngay, lần 2 thuê thêm người đẽo cùng, lần 3 cho là đúng hơn cả - đầu tư nhiều hơn.  **D. Lần 1 cho là phải – đẽo, lần 2 cho là phải – lại đẽo, lần 3 liền đẽo ngay.**  Câu 7: Đọc truyện “Đẽo cày giữa đường”. Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện này, em sẽ làm gì trước những lời khuyên như vậy?  A. Đánh đuổi người đưa ra lời khuyên vì nói không có căn cứ.  **B. Phân tích đúng/sai về các lời khuyên và tìm hiểu thực tế để xem xét liệu mình có nên làm theo hay không.**  C. Đẽo cầy ở nhiều kích cỡ khác nhau để cho người mua có thể tuỳ ý lựa chọn.  D. Bỏ nghề.  Câu 8: Đọc truyện “Ếch ngồi đáy giếng”. Sự khác biệt về môi trường sống đã ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức và cảm xúc của hai con vật?  A. Ếch biết được ít thứ trong khi rùa lại biết nhiều, ếch vì thế là cảm thấy tủi thân vì thượng đế chỉ cho mình một thân hình bé tí chẳng đi đến đâu.  **B. Ếch cảm thấy sung sướng với cái “thế giới” nhỏ bé mình đang sống và thực sự choáng ngợp trước cái vĩ đại của biển; còn rùa thì đã đi nhiều nơi, chứng kiến nhiều điều, từ đó cảm thấy sung sướng với thế giới rộng lớn bên ngoài và không quan tâm đến cái thế giới bé nhỏ của ếch.**  C. Môi trường bé nhỏ của ếch đã khiến cho nó đầy những âu lo về tương lai mịt mù sau này còn rùa thì đã trải qua vô số thứ vui buồn trên thế giới và không còn gì nuối tiếc và buổi xế chiều.  D. Rùa cảm thấy sung sướng với cái “thế giới” nhỏ bé mình đang sống và thực sự choáng ngợp trước cái vĩ đại của biển; còn ếch thì đã đi nhiều nơi, chứng kiến nhiều điều, từ đó cảm thấy sung sướng với thế giới rộng lớn bên ngoài và không quan tâm đến cái thế giới bé nhỏ của ếch.  Câu 9: Người thợ mộc trong truyện “Đẽo cày giữa đường” đã xử sự thế nào trước mỗi lời khuyên, khiến công sức và của cải “đi đời nhà ma”?  A. Người thợ mộc đã nhận ra được những cái đúng trong lời khuyên của mỗi người đi qua cửa hàng và nhờ đó anh đã làm ra những cái cày tốt.  **B. Người thợ mộc mỗi khi nghe một lời khuyên mới thì đều cho là đúng và hợp lí hơn cả nên đã làm ra nhiều loại cày và rồi không bán được.**  C. Người thợ mộc không thay đổi chính kiến của mình dù có rất nhiều chỉ trích cách làm của anh là không hợp lí.  D. Người thợ mộc chỉ làm theo góp ý của người thứ ba, bỏ ngoài tai lời góp ý của người thứ nhất và thứ hai  Câu 10: Đọc truyện “Ếch ngồi đáy giếng”. Câu “Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết?” cho thấy cảm xúc gì ở ếch?  A. Sung sướng không tả nổi khi rùa đến chơi nhà.  B. Buồn phiền vì trong giếng có quá nhiều thứ ghê rợn mà khi nói thì rùa không tin.  **C. Sung sướng đến mức khoe khoang với rùa về “thế giới trong giếng” của mình.**  D. Buồn phiền vì rùa không chịu vào “thế giới trong giếng” của mình.  Câu 11: Đọc truyện “Ếch ngồi đáy giếng”. Những điểm khác biệt về môi trường sống của ếch và rùa là gì?  **A. Ếch sống trong một không gian hẹp (một cái giếng sụp), trong đó có những con vật nhỏ bé (lăng quăng, cua,…) còn rùa sống ở một không gian rộng (biển), rùa đi nhiều nơi và biết nhiều điều.**  B. Ếch sống trong môi trường nước, hằng ngày đi lại trên mặt ao còn rùa sống trên rừng núi, gặp nhiều muông thú và cây cỏ.  C. Ếch sống trong một nơi nhỏ bé song nó như một thế giới thu nhỏ, có tất cả ở đó; trong khi rùa sống ở một nơi lớn hơn nhưng cằn cỗi, không có một thứ gì khác ngoài đất, cát.  D. Rùa sống trong một nơi nhỏ bé song nó như một thế giới thu nhỏ, có tất cả ở đó; trong khi ếch sống ở một nơi lớn hơn nhưng cằn cỗi, không có một thứ gì khác ngoài đất, cát.  Câu 12: Đọc truyện “Con mối và con kiến”. Thiện cảm của người kể chuyện dành cho mối hay cho kiến?  A. Cho kiến vì kiến được ưu ái hơn mối. Kiến được hưởng những thứ tốt đẹp ở cả hiện tại và tương lai trong khi mối chỉ được hưởng điều đó ở hiện tại còn tương lai của chúng sẽ đen tối.  **B. Cho kiến. Ta có thể thấy điều đó qua việc miêu tả mối như một kẻ vị kỉ, lười biếng, chỉ biết hưởng thụ cho “béo trục béo tròn”, còn kiến tuy gầy gò, vất vả, nhưng luôn chăm chỉ, cố gắng, biết sống vì người khác, biết lo cho cái chung, biết hướng tới tương lai vừng bền.**  C. Cho mối vì người kể đã cho mối một tư duy mang tính hiện đại hơn rất nhiều so với kiến, con vật mà mang tính cổ hủ, bao đời vẫn vậy.  D. Không thiên về con nào vì đó chỉ là một cuộc nói chuyện ngắn gọn và đơn giản.  Câu 13: Những điểm giống nhau về nội dung của ba truyện là gì?  A. Hướng tới những kinh nghiệm quý báu, những đạo lí làm người đúng đắn mà mỗi cá nhân cần học hỏi khi sống trong xã hội.  B. Nhân vật trong ba truyện được nhân hoá, có kiến thức, hành động như con người còn thế giới xung quanh chúng cũng là thế giới của con người.  C. Chỉ ra đạo lí thâm sâu về cách đối nhân xử thế.  **D. Tất cả các đáp án trên.** | |
| **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:** 6007knttf

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Viết kết nối với đọc: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) có sử dụng thành ngữ đẽo cày giữa đường.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.tf | *Gợi ý:*  Ý kiến của mỗi con người về một vấn đề nào đó trong cuộc sống rất quan trọng. Bản thân chúng ta sẽ tự quyết định được tương lai, sự thành công, hạnh phúc hay là khổ đau. Con người ai cũng có cuộc sống riêng, có suy nghĩ riêng, đó chính là điểm khác nhau tạo nên sự độc đáo mỗi người trong cuộc sống này. Vậy mà vẫn còn có rất nhiều con người sống không có ý kiến cá nhân, sống đẽo cày giữa đường, phó mặc cuộc sống tươi đẹp này cho sự hèn nhát. Mỗi người phải học cách chủ động và có chính kiến của mình trong bất cứ công việc nào đừng để những lời nói bên ngoài ảnh hưởng tới công việc mà bạn là người hiểu rõ nhất. Hãy luôn tin vào chính bản thân mình thành công sẽ chờ bạn ở cuối con đường. |

**IV. Phụ lục**

**Tiết theo PPCT: 76**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THÀNH NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thành ngữ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv cho Hs xem video đố vui về thành ngữ. Hs vừa xem video vừa đoán thành ngữ*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, Gv dẫn dắt: | **Gợi ý:** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Phân tích ví dụ sách giáo khoa để tìm hiểu về khái niệm và chức năng của thành ngữ*  *+ Từ ví dụ em hãy cho biết thành ngữ là gì? Em hãy lấy ví dụ về thành ngữ?*  *+ Phân tích ví dụ sách giáo khoa để tìm hiểu về chức năng của thành ngữ (các từ in đậm ở câu 3-4 có thể thay thế bằng từ ngữ nào? Chỉ ra sự khác biệt giữa chúng và rút ra chức năng của thành ngữ*  *+ Đặt câu với 2 thành ngữ, sau đó thay thế thành ngữ bằng từ ngữ tương ứng chỉ ra sự khác biệt của chúng*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  *+ Ví dụ về thành ngữ: Chó treo mèo đậy, Đen như cột nhà cháy, Nước đổ đầu vịt, một nắng hai sương, lòng lang dạ thú, đi guốc trong bụng*  *+ Đặt câu*  *(1a) Ông cụ bị người mà ông đã cưu mang suốt năm năm nay hãm hại, đúng là* ***nuôi ong tay áo***  *(1b) Thay thế: Ông cụ bị người mà ông đã cưu mang suốt năm năm nay hãm hại, đúng là* ***nuôi kẻ phản phúc trong nhà***  *(2a)*  *Công cô giáo giảng nửa ngày trời như****nước đổ đầu vịt****, thằng bé kia chả tiếp thu được tẹo nào.*  *(2b)*  *Thay thế: Công cô giáo giảng nửa ngày trời mà cũng chỉ* ***vô ích, không có kết quả****, thằng bé kia chả tiếp thu được tẹo nào.*  *(3a) Mẹ tôi****một nắng hai sương****để lo cho gia đình.*  *(3b) Thay thế: Mẹ tôi* ***chịu đựng gian khổ từ sáng sớm đến chiều tối****để lo cho gia đình.*  *=> Những câu dùng thành ngữ sẽ súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng hơn* | **I Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**  **1. Khái niệm**  **a. Phân tích ví dụ**  **(1) Kẻ hầu người hạ** ra vào tới tấp, bưng lên cho khách toàn **sơn hào hải vị**, mùi thơm nức mũi. (Vua chích chòe)  **(2)** Mọi người trong làng luôn đoàn kết,sẵn sàng **chia ngọt sẻ bùi** cho nhau  - Ba cụm từ in đậm là những tổ hợp có cấu tạo chặt chẽ. Nghĩa của mỗi cụm từ đều hàm súc, có tính hình tượng. Là nghĩa chung của cả cụm từ chứ không phải là tổng số nghĩa của các từ.  -> **Kẻ hầu người hạ, sơn hào hải vị, chia ngọt sẻ bùi** là các thành ngữ  - Là một loại cụm từ đặc biệt, nhiều khi cách kết hợp của các từ trong thành ngữ không theo quy tắc thông thường, chằng hạn: *cao chạy xa bay, con ông cháu cha, nhường cơm sẻ áo…*  **b. Kết luận**  Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.  **2. Chức năng của thành ngữ**  **a. Phân tích ví dụ**  (3) Cô đem lòng yêu, có **của ngon vật lạ** đều giấu đem lên cho. (Sọ Dừa)  (4) Lần này hai đội gặp nhau, **chưa biết mèo nào cắn mỉu nào.**  - Của ngon vật lạ (3) = những thức ăn ngon, quý hiếm  - Chưa biết mèo nào cắn mỉu nào (4) = chưa biết ai thắng, ai thua  **b. Kết luận**  Việc dùng thành ngữ giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *GV chia lớp thành 4 nhóm*  *+ Nhóm 1: Bài 1*  *+ Nhóm 2: Bài 2*  *+ Nhóm 3: Bài 3*  *+ Nhóm 4: Bài 4*  *+ Nhóm 5: Bài 3*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1:** Chỉ ra và giải nghĩa thành ngữ trong các câu sau:  a. Tất cả những cái đó cám dỗ tôi hơn là quy tắc về phân từ; nhưng tôi cưỡng lại được, và ba chân bốn cẳng chạy đến trường.  (An-phông-xơ Đô-đê (Alphonse Daudet), Buổi học cuối cùng)  b. Lại có khi tôi cảm thấy mình dũng mãnh đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng.  (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên)  a. Thành ngữ: Ba chân bốn cẳng: Cuống cuồng, vội vã, nhanh chóng.  b. Thành ngữ: Chuyển núi dời sông: Việc cần thực hiện rất khó khăn, gian khổ.  **Bài 2:** Thử thay thành ngữ (in đậm) trong các câu sau bằng từ ngữ có ý nghĩa tương đương, rồi rút ra nhận xét:  a. Thành ra có bao nhiêu gõ hỏng bỏ hết và bao nhiêu vốn liếng **đi đời nhà ma** sạch.  (Đẽo cày giữa đường)  b. Giờ đây, công chúa là một chị phụ bếp, thôi thì **thượng vàng hạ cám**, việc gì cũng phải làm.  (Vua chích chòe)  a. Thành ngữ: đi đời nhà ma => thay: mất  "Thành ra có bao nhiêu gỗ hỏng bỏ hết và biết bao nhiêu vốn liếng mất sạch."  b. Thành ngữ: Thượng vàng hạ cám => thay: từ sang đến hèn  "Giờ đây công chúa là một chị phụ bếp, thôi thì từ sang đến hèn, việc gì cũng phải làm."  => Nhận xét: Câu sử dụng thành ngữ bóng bẩy, giàu liên tưởng hơn là câu sử dụng từ ngữ thông thường.  **Bài 3:** Nhận xét về việc sử dụng thành ngữ đẽo cày giữa đường ở hai trường hợp sau:  a. Anh làm việc này chắc nhiều người góp cho những ý kiến hay. Khác gì đẽo cày giữa đường.  b. Chín người mười ý, tôi biết nghe theo ai bây giờ? Thật là đẽo cày giữa đường.  Nội dung câu chuyện đã đọc giúp ta hiểu rằng, đẽo cày giữa đường muốn nói về kiểu người ai bảo gì nghe nấy một cách thụ động, không biết suy nghĩ, xét đoán đúng/ sai, dẫn đến kết quả tồi tệ. Như vậy, “Chín người mười ý, tôi biết nghe theo ai bây giờ? Thật là đẽo cày giữa đường” mới là câu dùng thành ngữ hợp lí.  **Bài 4:** Hãy đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một trong các thành ngữ sau:  a. Học một biết mười  b. Học hay, cày biết  c. Mở mày mở mặt  d. Mở cở trong bụng  a. Bà chúc cháu năm mới học một biết mười  b. Mỗi chúng ta cần học hay, cày biết để ngày càng hoàn thiện bản thân.  c. Lan được toàn thành phố tuyên dương vì đạt giải quốc gia khiến cho bố mẹ mở mày mở mặt.  d. Sau trận thắng của các cầu thủ U23 Việt Nam trên sân Thường Châu, cổ động viên nước ta vui như mở cờ trong bụng. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Đặt 5 câu có chứa thành ngữ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**IV. Phụ lục**

**Tiết theo PPCT: 77-78**

**ĐỌC VĂN BẢN**

**MỘT SỐ CÂU TỤC NGỮ VIỆT NAM**

- HS hiểu được, mặc dù có quy mô nhỏ, nhưng tục ngữ vẫn tồn tại với tư cách là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, thấy được tương quan giữa tục ngữ với các loại sáng tác ngôn từ dân gian khác như ca dao, vè,… Từ đó, các em có khả năng đọc hiểu những câu tục ngữ lưu truyền trong đời sống,.

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thể loại tục ngữ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ:

+ Về hình thức, tục ngữ thường ngắn gọn, cô đúc; phần lớn có vần điệu; nhịp nhàng, cân đối; hoàn chỉnh về ngữ pháp.

+ Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống.

- Biết vận dụng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Cách 1: Gv tổ chức tinh thần đồng đội: Chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm sẽ kể tên các câu tục ngữ mà mình đã biết*  *+ Cách 2: GV tổ chức trò chơi “Đoán ý đồng đội”. Gv đưa ra một số thăm, là những câu tục ngữ. Chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm cử một đại diện lên mô tả câu tục ngữ bằng kí hiệu/ vẽ bảng (không được nói, không được dùng tiếng nước ngoài…):*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - Gv tổ chức trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: | Gợi ý một số câu tục ngữ: uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, có công mài sắt có ngày nên kim, giấy rách phải giữ lấy lề, tốt gỗ hơn tốt nước sơn, một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ, tay làm hàm nhai, kiến tha lâu cũng có ngày đầy tổ, một giọt máu đào hơn ao nước lã… |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***NV1: Hướng dẫn học sinh đọc***  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn hs cách đọc, gọi một vài học sinh đọc 2-3 lượt  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Đọc**  - Chú ý đọc tách bạch từng câu, ở mỗi câu, nhịp điệu phải rành mạch, âm lượng vừa phải, dễ nghe.  - Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý các thẻ chiến lược đọc bên phải để nhận diện nhanh các chủ đề và đặc điểm chung về hình thức (số dòng, số tiếng, nhịp, vần) của các câu tục ngữ.  1. Theo dõi: Những chủ đề được thể hiện qua các câu tục ngữ.  - thiên nhiên (câu 1-5)  - lao động sản xuất (câu 6-8)  - con người và xã hội (câu 9-15)  2. Suy luận: Nét chung nhất về hình thức của các câu tục ngữ.  - Ngắn gọn, dễ thuộc, dễ nhớ. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ:

+ Về hình thức, tục ngữ thường ngắn gọn, cô đúc; phần lớn có vần điệu; nhịp nhàng, cân đối; hoàn chỉnh về ngữ pháp.

+ Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống.

- Biết vận dụng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp

- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh Tìm hiểu một vài đặc điểm của tục ngữ (câu 1,2,3,4,5,6)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi  *Câu 1: Tìm hiểu số tiếng trong những câu tục ngữ trên, từ đó rút ra nhận xét chung về độ dài của tục ngữ*  *Câu 2: Trong 15 câu tục ngữ ở trên, những câu nào có gieo vần? Việc gieo vần như vậy có tác dụng gì?*  *Câu 3: Câu tục ngữ nào trong bài học này có hình thức của một thể thơ quen thuộc, được dùng rất nhiều trong ca dao của người Việt? Nêu thêm hai câu tục ngữ có hình thức tương tự.*  *Câu 4: Tính chất cân đối trong cấu trúc ngôn từ được thể hiện như thế nào ở những câu tục ngữ trên? Việc tạo nên sự cân đối trong cấu trúc của một câu tục ngữ có tác dụng gì?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Sự cân đối ở hai vế trong một dòng* | *Sự cân đối giữa bốn vế trong một dòng* | *Sự cân đối giữa các dòng của một câu tục ngữ* | |  |  |  | | => Tác dụng của việc tạo nên sự cân đối trong cấu trúc | | |   *Câu 5: Có thể phân chia các câu tục ngữ trên vào những chủ đề nào?*  *Câu 6: Chỉ ra những câu tục ngữ thể hiện ý nghĩa một cách trực tiếp, những câu tục ngữ thể thiện ý nghĩa qua hình ảnh có tính chất ẩn dụ.*   |  |  | | --- | --- | | Tục ngữ thể hiện ý nghĩa một cách trực tiếp | Tục ngữ thể thiện ý nghĩa qua hình ảnh có tính chất ẩn dụ | |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở (thế nào là thần thoại suy nguyên)  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Tìm hiểu một vài yếu tố của tục ngữ**  **Câu 1:**  Số tiếng trong một câu tục ngữ rất ít, nhìn chung các câu tục ngữ đều là những câu văn ngắn.  Ví dụ:  - Câu có tiếng ít nhất: “Người sống hơn đống vàng”: 5 tiếng  - Câu có tiếng nhiều nhất: “Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như trút”: 16 tiếng.  => Ngắn gọn là đặc điểm hình thức dễ nhận thấy nhất ở tục ngữ  **Câu 2:** Những câu tục ngữ có gieo vần:  - Gió heo **may**, chuồn chuồn **bay** thì bão  - Mây kéo xuống biển thì nắng chang **chang,** mây kéo lên **ngàn** thì mưa như trút  - Đêm tháng **năm** chưa **nằm** đã sáng  - Ngày tháng **mười** chưa **cười** đã tối  - Nắng chóng **trưa**, **mưa** chóng tối  - Nắng tốt **dưa**, **mưa** tốt lúa  - Làm ruộng ba **năm** chưa bằng chăn **tằm** một lứa.  - Người **sống** hơn **đống** vàng  - Đói cho **sạch**, **rách** cho thơm  - Không **thầy** đố **mày** làm nên  - Học **thầy** không **tày** học bạn  - Muốn hành **nghề** chớ **nề** học hỏi  - Một cây làm chẳng nên **non**   Ba cây chụm lại nên **hòn** núi cao  => Vần làm cho câu tục ngữ có kết cấu chặt chẽ, có tính nghệ thuật, hấp dẫn, dễ nhớ, dễ thuộc  **Câu 3:**  - Câu tục ngữ có hình thức giống thể thơ lục bát:  “ Một cây làm chẳng nên non  Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”  - Hai câu tục ngữ có hình thức tương tự:  + Lúa chiêm lấp ló đầu bờ  Chờ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên  + Trăm năm bia đá thì mòn  Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ  + Cười người chớ vội cười lâu  Cười người hôm trước hôm sau người cười  **Câu 4:** Tính cân đối có khi giữa hai hoặc hơn hai vế trong một dòng, có khi giữa hai dòng của một câu tục ngữ. Tính cân đối được thể hiện ở: số tiếng bằng nhau, từ loại của từ ở từng vị trí giống nhau, thanh điệu đối chọi nhau (bằng – trắc), hình ảnh tương đồng hoặc tương phản nhau,…   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Sự cân đối ở hai vế trong một dòng* | *Sự cân đối giữa bốn vế trong một dòng* | *Sự cân đối giữa các dòng của một câu tục ngữ* | | *- Nắng chóng trưa, mưa chóng tối*  *- Nắng tối dưa, mưa tốt lúa*  *- Đói cho sạch, rách cho thơm*  *- Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như trút* | *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống* | *- Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng/*  *Ngày tháng mười chưa cười đã tối*  *- Kiến cánh vỡ tổ bay ra/*  *Bão táp mưa sa gần tới* | | => Nhờ cân đối, câu tục ngữ có âm hưởng chắc nịch. Do đó, những bài học, những kinh nghiệm có sức nặng của chân lí. Mặt khác, cùng với nhịp và vần, tính cân đối góp phần làm cho tục ngữ trở nên hấp dẫn về nghệ thuật, dễ nhớ, dễ thuộc. | | |   **Câu 5:** Có thể phân chia các câu tục ngữ trên vào ba chủ đề:  - Chủ đề kinh nghiệm về thời tiết: câu 1 => câu 5  - Chủ đề kinh nghiệm về lao động sản xuất: câu 6 => câu 8  - Chủ đề kinh nghiệm về đời sống xã hội: câu 9 => 15  **Câu 6:**   |  |  | | --- | --- | | Tục ngữ thể hiện ý nghĩa một cách trực tiếp | Tục ngữ thể thiện ý nghĩa qua hình ảnh có tính chất ẩn dụ | | - Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão  - Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như trút  - Nắng chóng trưa, mưa chóng tối  - Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa  - Làm ruộng ba năm chưa bằng chăn tằm một lứa. | - Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng     Ngày tháng mười chưa cười đã tối  - Người sống hơn đống vàng  - Đói cho sạch, rách cho thơm  - Ăn quả nhớ kẻ trồng cây  - Một cây làm chẳng nên non  Ba cây chụm lại nên hòn núi cao |   . |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh chia sẻ quan điểm, suy nghĩ cá nhân (tìm hiểu câu 7, 8)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Câu 7: Ý nghĩa của câu tục ngữ số 11 và 12 có loại trừ nhau không? Em rút ra được bài học gì từ hai câu tục ngữ đó?Em hãy tìm thêm những câu tục ngữ tương tự như vậy\**  *Câu 8: Vì sao nhiều câu tục ngữ về đời sống xã hội ra đời từ thuở xưa mà vẫn còn giá trị đối với con người ngày nay?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  \* Ví dụ cho câu 7  (1) Một giọt máu đào hơn ao nước lã (coi trọng huyết thống) - Bán anh em xa mua láng giềng gần (coi trọng láng giềng)  (2) Ai ăn mặn người ấy khát nước (làm điều không tốt thì tự người đó phải chịu hậu quả) - Đời cha ăn mặn, đời con khát nước (Cha làm việc xấu xa, con cái phải chịu quả báo) | **2. Chia sẻ quan điểm, suy nghĩ cá nhân**  **Câu 7:** Câu 11 và 12 trong bài  học riêng và được vận dụng có hiệu quả trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Ở hai câu trên  + Một câu khẳng định: Trong học tập, người  thầy đóng vai trò rất quan trọng. Thầy giỏi, có phương pháp dạy học tốt thì trò sẽ mau tiến bộ. Thực tế giáo dục đã chứng minh điều này.  + Câu còn lại nêu quan niệm: Học thầy không bằng học bạn. Nếu quan niệm học không chỉ là tiếp thu tri thức lí thuyết, mà còn phải thực hành trong đời sống, thì câu này cũng có lí. Quả thật, khi giải quyết những vấn đề thực tế, học cách làm của bạn là rất cần thiết. Nhiều người thành đạt nhờ học được kinh nghiệm từ những người bạn giỏi.  - Vậy phải hiểu: Học thầy chẳng tày học bạn có nghĩa: Học thầy là rất quan trọng, nhưng cũng phải biết học bạn nữa. Hiểu như vậy, hai câu tục ngữ trên không hề loại trừ nhau.  **Câu 8:** Theo thời gian, cuộc sống xã hội của con người luôn thay đổi, nhưng cũng có những yếu tố hết sức bền vững. Sở dĩ, con người thời hiện đại với thiết chế xã hội, tâm lí, kinh tế, điều kiện sống hoàn toàn khác ngày xưa, nhưng vẫn dùng tục ngữ về đời sống xã hội phù hợp trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp là nhờ những yếu tố bền vững đó. Ví dụ, thời nào thì con người vẫn quý hơn mọi thứ trên đời, cho nên cầu: Người sống hơn đống vàng chưa bao giờ sai; hoặc tinh thần đoàn kết vẫn là chuyện cần thiết muôn thuở của con người, vậy câu: Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao vẫn còn nguyên giá trị. |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Một số câu tục ngữ Việt Nam đã phản ánh, truyền đạt những kinh nghiệm quý báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên và trong lao động sản xuất cũng như tôn vinh giá trị con người, đưa ra nhận xét, lời khuyên về những phẩm chất và lối sống mà con người cần phải có. Những kinh nghiệm ấy là “túi khôn” của nhân dân nhưng chỉ có tính chất tương đối chính xã vì không ít kinh nghiệm được tổng kết chủ yếu dựa vào quan sát.  **2. Nghệ thuật**  - Lối nói ngắn gọn, có vần, có nhịp  - Giàu hình ảnh, lập luận chặt chẽ  - Các về thường đối xứng nhau cả về hình thức lẫn nội dung  - Giàu hình ảnh so sánh, ẩn dụ  - Sử dụng từ và câu có nhiều ý nghĩa  - Nội dung hàm súc, cô đọng |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Câu 1:  Vì sao người ta lại dùng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp thường ngày?  **A. tục ngữ là những điều đã được đúc kết, sử dụng tục ngữ sẽ làm cho câu nói súc tích, đạt hiệu quả giao tiếp tốt hơn**  B. sử dụng tục ngữ rất đơn giản.  C. vì có nhiều câu tục ngữ.  D. vì thích.  Câu 2:  Những chủ đề nào được thể hiện qua các câu tục ngữ.  A. vẻ dẹp trong văn hóa con người Việt.  **B. tục ngữ đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống**  C. vẻ đẹp thiên nhiên.  D. những lời ca cổ.  Câu 3: Nét chung nhất về hình thức của các câu tục ngữ là gì?  A. dài dòng, khó hiểu.  B. ngắn gọn nhưng quá khó hiểu.  C. rất khó sử dụng trong giao tiếp hằng ngày.  **D. ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, có vần điệu**  Câu 4: Độ dài của tục ngữ là bao nhiêu?  A. rất dài.  B. dài như một bài hát.  C. thường gồm hai câu lục bát.  **D. thường chỉ từ một đến hai câu, ngắn gọn**  Câu 5: Việc gieo vần có tác dụng giúp cho câu tục ngữ?  A. giúp cho câu tục ngữ có bố cục đẹp.  B. giúp cho câu tục ngữ trở nên hay hơn  **C. giúp cho câu tục ngữ trở nên dễ nhớ, dễ thuộc**  D. giúp cho câu tục ngữ trở nên khó hiểu hơn.  Câu 6: Câu tục ngữ có hình thức tương tự câu tục ngữ (15) trong bài?  A. Được chim bẻ ná, được cá quên nơm  **B. Đói thì ăn ráy ăn khoai/ Chớ thấy lúa trổ tháng hai mà mừng**  C. Ăn cháo đá bát  D. Diễn đạt bằng hình ảnh so sánh  Câu 7: Tính chất cân đối trong cấu trúc ngôn từ được thể hiện như thế nào ở những câu tục ngữ trong ?  A. Hai vế câu cân đối về số tiếng (Ví dụ: Nắng chóng trưa, mưa chóng tối; Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa; Đói cho sạch, rách cho thơm;,...)  B. Hai dòng có số tiếng trong cân đối với nhau (Ví dụ: Kiến cánh vỡ tổ bay ra/ Bão táp mưa sa gần tới; Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng/ Ngày tháng Mười chưa cười đã tối;...)  C. Những câu tục ngữ tưởng như vế câu không đối xứng nhưng thực chất lại đối xứng.  **D. Tất cả những ý trên đều đúng**  Câu 8: Việc tạo nên sự cân đối trong cấu trúc của một câu tục ngữ có tác dụng gì?  **A. làm cho câu tục ngữ có nhịp điệu nhịp nhàng, giúp cho câu tục ngữ trở nên dễ nhớ, dễ thuộc**  B. giúp cho câu tục ngữ có bố cục đẹp.  C. giúp cho câu tục ngữ trở nên hay hơn.  D. làm cho câu tục ngữ trở nên khó hiểu hơn.  Câu 9:  Có thể phân chia các câu tục ngữ trong bài "Một số câu tục ngữ Việt Nam" vào những chủ đề nào?  A. Nhận thức về tự nhiên  B. Kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử đời sống  **C. 2 ý trên đều đúng**  D. 2 ý trên đều sai  Câu 10: Em rút ra được bài học gì từ hai câu tục ngữ số 11 và số 12 trong bài "Một số câu tục ngữ Việt Nam"?  **A. cần phải học tập từ cả thầy và bạn**  B. chỉ cần học thầy cô giáo  C. chỉ cần học bạn, người thân  D. tất cả các ý trên đều đúng.  Câu 11: Điền từ vào chỗ trống: Nhiều câu tục ngữ về đời sống xã hội ra đời từ thuở xưa mà vẫn còn giá trị đối với con người ngày nay vì đó là những câu tục ngữ ...... về đời sống, giá trị của nó mang tính vĩnh cửu.  **A. rút kinh nghiệm**  B. bài học  C. thú vị  D. bổ ích  Câu 12: Câu tục ngữ đối nghĩa với câu "Ăn qủa nhớ kẻ trồng cây".  A. Ăn thùng, uống chậu  **B. Ăn cây táo rào cây sung.**  C. Ăn trông nồi, ngồi trông hướng  D. Ăn cây nào, rào cây nấy  Câu 13: Câu tục ngữ đối nghĩa với câu "Đói cho sạch, rách cho thơm".  A. Chết vinh còn hơn sống nhục  **B. Đói ăn vụng, túng làm càn**  C. Chết trong còn hơn sống ngoài  D. Chết đứng còn hơn sống quỳ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Gợi ý: |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Ghi lại một cuộc đối thoại (giả định) giữa hai người (khoảng 5-7 câu), trong đó, một người có dùng câu tục ngữ:*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi.  Cuộc đối thoại giả định:  A: B ơi, tớ đang muốn đầu tư vào bất động sản để kiếm thêm thu nhập  B: Tớ thấy cũng rất ổn cậu, có tinh thần cầu tiến thế là tốt rồi  A: Nhưng mà tớ đang sợ quá cậu, tớ chưa làm công việc này bao giờ nên thấy hơi ngại.  B: Ở đời có ai thành công mà dễ dàng đâu A, muốn lành nghề không nề học hỏi, chúc A thành công nha  A: Cảm ơn cậu nhiều! |

**IV. Phụ lục**

**Tiết theo PPCT: 79**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI QUÁ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biện pháp nói quá

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Đặc điểm, tên gọi khác và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng biện pháp tu từ nói quá một cách phù hợp

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Cách 1: Tổ chức trải nghiệm*  *Trong bài Việt Bắc, Tố Hữu viết:*  *Dân công đỏ đuốc từng đoàn*  ***Bước chân nát đá*** *muôn tàn lửa bay*  *Gv chuẩn bị sẵn một ít đá nhỏ nhỏ và yêu cầu hs thử bước nhảy lên đá*  *=> Bước chân nát đá là cách nói phóng đại mức độ*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, Gv dẫn dắt: | **Gợi ý:** Hs trải nghiệm |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

- Đặc điểm, tên gọi khác và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv yêu cầu học sinh phân tích ví dụ trong sách giáo khoa + kết hợp với tìm thêm ví dụ bên ngoài để tìm hiểu về đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**  **1. Đặc điểm**  **\* Ví dụ 1**  (a) Lỗ mũi mười tám gánh lông  Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho  (b) Con rận bằng con ba ba  Đêm nằm nó ngáy cả nhà thất kinh  - Điểm bất thường:  (a): Lỗ mũi mười tám gánh lông: lỗ mũi kì dị, có một không hai  (b) Con rận bằng con ba ba, tiếng ngáy cả nhà thất kinh: độ lớn của con rận và tác động của tiếng ngáy mà nó phát ra là không thể tin được  -> Biện pháp phóng đại  **\* Kết luận**  Biện pháp tu từ nói quá có đặc điểm: luôn phóng đại tính chất, quy mô của sự vật, hiện tượng được nói đến  **2. Tác dụng**  **\* Ví dụ 2:**  (a) Tây Thi có vẻ đẹp **nghiêng nước nghiêng thành**  -> Nói về vẻ đẹp xuất chúng khiến người khác phải say đắm  (b) Dời non lấp biển  -> Là việc làm quá lớn, quá phi thường. Nói quá nhằm đề cao ý chí hoặc thể hiện sự khâm phục trước những kì tích của con người.  (c)  Làm trai cho đáng nên trai  **Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng**  -> Nói đến sự vô tích sự của người đàn ông sức dài vai rộng, gợi ra tiếng cười châm biếm  **\* Kết luận**  Biện pháp tu từ nói quá có tác dụng: Gây ấn tượng đặc biệt, tăng sức biểu cảm hoặc cây cười |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể

- Có ý thức vận dụng biện pháp tu từ nói quá một cách phù hợp

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + *GV chia lớp thành 4 nhóm*  *. Nhóm 1,2: Câu 1*  *. Nhóm 3,4: Câu 2*  *+ Câu 4 học sinh làm cá nhân*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |
| **Câu 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu tục ngữ** | **Phép nói quá** | **Tác dụng** | | a. Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng  Ngày tháng Mười chưa cười đã tối. | Biểu hiện của nói quá trong câu tục ngữ này là ở hai vế chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối. Hai cụm từ này có nghĩa tương đồng: chưa kịp nằm thì trời đã sáng, chưa kịp cười thì trời đã tối, nghĩa là đêm tháng Năm và ngày tháng Mười đều quá ngắn. Tuy nhiên, nói thế là phóng đại, cường điệu lên, vì thực tế không đến mức như vậy. | Nhằm tác động mạnh vào nhận thức của mọi người, giúp người ta hiểu được đặc điểm thời gian từng mùa để chủ động sắp xếp mọi việc cho phù hợp. | | b. Ngày vui ngắn chẳng tày gang | Một nét phổ biến trong tâm lí con người: Khi vui cảm thấy thời gian chóng qua, có cảm giác ngày giờ ngắn hơn bình thường. Nhưng ngày vui ngắn chẳng đầy gang thì cái ngắn của thời gian như hiện hình, một ngày mà có thể lấy gang tay để đo, nghĩa là chỉ còn lại một mẩu. | Để tạo ấn tượng. | | c. Thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn. | Tát cạn biển đông là chuyện không thể. Vậy nên khi đặt ra giả định: Nếu vợ chồng hoà thuận với nhau thì biển đông cũng có thể tát cạn, ta hiểu đó là cách nói phóng đại đến mức phi lí. | Tuy nhiên, phải nói quá như thế thì mới làm nổi bật được tầm quan trọng của sự hoà thuận vợ chồng. |   **Câu 2:** Câu b và câu d thuộc loại câu nói khoác; câu a và câu c là những cầu sử dụng biện pháp tu từ nói quá.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Nói quá | Nói khoác | | Về bản chất | Cũng là phóng đại, nhưng nó tác động đến tâm lý người đọc, người nghe theo cách khác. Nói về chuyện đổ mồ hôi, nhưng câu ca dao Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày không khiến người đọc bắt bẻ: làm gì có chuyện mồ hôi đổ xuống ruộng cày như mưa. Ngược lại, nó cất lên tiếng nói đáng được cảm thông, dẫn dắt người đọc theo hướng thấu hiểu sự khó nhọc vô cùng của những người cày đồng giữa buổi trưa. Hiệu quả của biện pháp tu từ nói quá là như thế. | Hoàn toàn bất chấp thực tế, không nói thành có, ví dụ: Trời nóng quá, mồ hôi nhỏ xuống ướt sũng cả sàn nhà. Thực tế, sàn nhà chẳng thể nào ướt sũng do mồ hôi của người đổ ra. | | Về mục đích | Là biện pháp tu từ, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp cũng như trong văn học. Ở VB nghệ thuật, biện pháp tu từ này tác động mạnh đến người đọc, tạo được hiệu quả thẩm mĩ rõ rệt. | Có khi chỉ để khoe khoang bản thân một cách tầm thường, có khi nhằm thu hút sự chú ý của người nghe qua những câu chuyện mua vui, giải trí. Trong giao tiếp thông thường, người hay nói khoác dễ bị coi là thiếu tư cách. |   **Câu 3**  a. Biết kết quả thi, anh Nam buồn nẫu ruột, không muốn đi đâu cả.  b. Nghe tin dữ xong, nó khiếp sợ đến rụng rời chân tay.  c. Cả nhà tôi được phen cười vỡ bụng khi xem tiểu phẩm hài trên ti vi.  d. Vì mệt đứt hơi nên cô ấy đã ngủ thiếp đi ngay lập tức. | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Viết một đoạn văn trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Gợi ý  Trời đã về chiều, bầu trời trở lên u ám, báo hiệu một cơn mưa to đã đến. Mọi người nhanh chóng thu dọn vào để tránh cơn mưa kia. Tôi vội vàng đi lấy quần áo, mẹ tôi chạy ra ngoài sân mang mấy nia cá mới phơi vào. Mọi việc vừa xong thì cơn mưa to cũng trút xuống. Mưa to đổ xuống ầm ầm như có cả biển nước từ trên trời hắt xuống. Mọi người đều hết sức lo lắng cho bố tôi. Bố tôi đang trên đường đi làm về. Mẹ tôi nhấc điện thoại gọi điện cho bố nhưng đầu kia mãi không có ai nhấc máy. Mẹ như ngồi trên đống lửa, cứ đi đi lại lại trong nhà. Tôi đến an ủi mẹ tôi, mẹ đừng lo chắc mưa to quá bố không nghe thấy điện thoại đâu. Nói thế thôi, tôi cũng lo lắng không kém mẹ, cơn mưa vẫn chưa có dấu hiệu giảm sút, những tia sét vẫn cắt ngang bầu trời, không chịu buông tha một ai. Đang cuộn trong dòng suy nghĩ , tôi đã thấy ai về trước cửa, lòng tôi bỗng vui như có hội, tôi chạy ra đón bố, đỡ cặp cho bố. Thật may mắn, bố tôi đã không bị cơn mưa kia quật ngã. Gia đình tôi là như thế đấy, mọi người đều hết sức yêu thương nhau, không bao giờ có thể bỏ mặc nhau được. |

**IV. Phụ lục**

**Tiết theo PPCT: 80,81**

**ĐỌC VĂN BẢN**

**CON HỔ CÓ NGHĨA**

**(VŨ TRINH)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Cách sống có nghĩa, có tình của con hổ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Kết nối với các VB1 và VB2 để làm rõ chủ đề: Bài học cuộc sống

- Nhận biết được bài học cuộc sống gửi gắm cho tác phẩm

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chọn 1 trong 2 cách khởi động

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Cách 1: Trong cảm nhận của em, hổ là loài động vật như thế nào?*  *Cách 2* GV tổ chức cuộc thi "Đoán ý đồng đội" + Luật chơi: Gọi 1 HS và yêu cầu trong thời gian 1 phút sẽ mô tả các cụm từ và cả lớp đoán ý. Em nào đoán đúng được nhận một phần quà Các từ khóa: Uống nước nhớ nguồn, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, nhất tự vi sư, bán tự vi sư, Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra, Muốn sang thì bắc cầu Kiều, muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy  GV đặt câu hỏi: Những câu tục ngữ trên đều có chung chủ đề gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - Gv tổ chức để học sinh chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: Truyền thống quý báu và sâu sắc của dân tộc Việt Nam ta từ xưa đến nay luôn sống trọng tình trọng nghĩa, biết ơn những ai đã giúp mình và sẵn sàng giúp người khác khi có thể. Chính vì vậy, bên cạnh văn học dân gian thì có rất nhiều tác phẩm văn học viết khác khai thác về đề tài này. Trong đó Con hổ có nghĩa là một trong những truyện điển hình nhất. Tiết học ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản này | Gợi ý:  Cách 1:  Cách 2: Sự biết ơn, sống có nghĩa, có tình... |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS*** | ***DỰ KIẾN SẢN PHẨM*** |
| ***NV1: Hướng dẫn học sinh đọc***  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *+ Hướng dẫn cách đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  *+ Báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ*  ***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***  *- HS thực hiện nhiệm vụ*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***  *- HS trình bày sản phẩm*  *- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc văn bản: chậm rãi, rõ ràng  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Vũ Trinh (1759-1828)  - Quê: trấn Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh)  - Ông sáng tác thơ và văn xuôi  - Tác phẩm tiêu biểu: Lan Trì kiến văn lục  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: trích từ tập “Lan trì kiến văn lục”.  - Phương thức biểu đạt: tự sự.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - Tóm tắt văn bản  + Câu chuyện thứ nhất: Hổ cái đau đẻ, hổ đực đi tìm bà đỡ Trần ở huyện Đông Triều. Bà đỡ cho hổ cái uống thuốc, xoa bóp bụng và giúp hổ đẻ được. Hổ đực mừng rỡ và đền ơn bà cục bạc.  + Câu chuyện thứ hai: Bác tiểu mỗ ở huyện Lạng Giang đang bổ củi ở sườn núi thấy một con hổ bị hóc xương bèn giúp hổ lấy xương ra. Để tạ ơn, hổ đền ơn bác cả khi sống và khi chết. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối với các VB1 và VB2 để làm rõ chủ đề: Bài học cuộc sống

- Nhận biết được bài học cuộc sống gửi gắm cho tác phẩm

- Nhân ái

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu 6 câu hỏi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *HS trả lời 6 câu hỏi trang 16*  *Câu 1: Các con hổ đã được bà đỡ Trần và bác tiều phu giúp đỡ như thế nào?*  *Câu 2: Hổ đã làm những gì để tri ân người giúp đỡ mình?*  *Câu 3: Em cảm nhận được điều gì về tiếng gầm của hai con hổ ở phần cuối mỗi câu chuyện?*  *Câu 4: Mượn hình tượng con hổ có nghĩa, tác phẩm đã gửi gắm bài học đạo lí nào cho con người?*  *Câu 5: Việc tác giả ghép hai câu chuyện khác nhau vào trong cùng một văn bản có ý nghĩa gì? Theo em, nếu bớt đi một câu chuyện, ý nghĩa của văn bản có thể bị ảnh hưởng như thế nào?*  *Câu 6: Nêu cảm nghĩ về một chi tiết em thấy ấn tượng nhất trong truyện.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở (thế nào là thần thoại suy nguyên)  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **Câu 1**  - Bà đỡ Trần nhận ra sự chỉ dẫn và những giọt nước mắt của hổ đực, bác tiểu chủ động uống rượu lấy can đảm để giúp hổ vượt qua khó khăn: đỡ một ca đẻ khó cho hổ cái, lấy cái xương bò hóc trong họng hổ.  **Câu 2**  - Con hổ được bà đỡ Trần giúp: vừa quỳ vừa nhìn bà (thể hiện thái độ biết ơn) - tặng khối bạc (tạ ơn bằng vật chất) – dẫn ra khỏi rừng (bảo vệ an toàn cho ân nhân) – quẫy đuôi tiễn biệt – bà đỡ đi khá xa mới gầm lớn rồi rời đi (vừa quan sát để đảm bảo sự an toàn của ân nhân, vừa thể hiện tình cảm lưu luyến, trân trọng).  - Con hổ được bác tiều giúp: nhìn khuôn mặt bác tiều (để ghi nhớ khuôn mặt ân nhân) - mang hươu đến và gầm dữ dội (tặng quà và gửi lời tri ân) - đến trước mộ, dụi đầu vào quan tài, gầm gào (đến viếng, thể hiện lòng thương mến, xót xa đối với ân nhân đã khuất) – ngày giỗ lại nhớ mang các con thú đến để ở ngoài cửa trong mấy chục năm liền (tình cảm vững bền, khắc cốt ghi tâm ơn nghĩa của ân nhân với mình).  **Câu 3** Tuy cùng là tiếng gầm (thứ ngôn ngữ của loài hổ), nhưng ở những trường hợp khác nhau thì biểu hiện và ý nghĩa của nó cũng khác nhau.  - Con hổ thứ nhất “gầm lớn”: một lời chào tới ân nhân đang ở khoảng cách khá xa (độ lớn của âm thanh cần cho khoảng cách này).  - Con hổ thứ hai “gầm gừ, gào lớn”: độ lớn của âm thanh lúc đầu là nhỏ hơn, chỉ “gầm gừ” như lời “tâm sự”, sau “gào lớn” như thể hiện nỗi đau thương trong lòng đối với ân nhân đã khuất.  **Câu 4**  - Thông điệp “có nghĩa”, nhận ơn phải biết trả ơn của tác phẩm là không khó để nhận ra. Nó thể hiện rõ đạo đức của Nho giáo nói riêng và đạo lí làm người nói chung.  - Ngay cả những đối tượng hung tợn, đáng sợ (thậm chí là dã thú) khi nhận được sự giúp đỡ cũng còn biết ơn và trả ơn.  **Câu 5**  - Điểm tương đồng của hai câu chuyện:  + Có nhân vật con hổ (một loài vật hung dữ, có thể tấn công, làm hại con người) đang trong tình huống khó khăn, cần sự giúp đỡ.  + Sau khi được con người giúp đỡ, con hổ cũng biết đến ơn đáp nghĩa bằng cảm xúc chân thành và sâu sắc.  - Bài học chung của hai câu chuyện: phải biết tri ân, biết đền đáp những người giúp đỡ mình, làm những điều tốt đẹp cho mình (nếu ai không biết đạo lí này thì không bằng loài dã thú).  - VB sẽ bị mất đi khả năng nhấn mạnh bài học đạo lí làm người (hai câu chuyện nhận ơn và trả ơn khi so với một câu chuyện đơn lẻ sẽ có khả năng nhấn mạnh cao hơn).  - VB sẽ khiến câu chuyện “con hổ có nghĩa” là câu chuyện cá biệt. Điều đó ảnh hưởng tới nhận thức đạo lí làm người mà ai cũng cần có – nhận ơn thì phải biết trả ơn.  **Câu 6**  - Chi tiết cuối truyện: Nhiều năm sau, bác tiều qua đời. Lúc sắp chôn, ….mấy chục năm liền.  - Con hổ đến viếng, thể hiện lòng thương mến, xót xa đối với ân nhân đã khuất, ngày giỗ lại nhớ mang các con thú đến để ở ngoài cửa trong mấy chục năm liền thể hiện tình cảm vững bền, khắc cốt ghi tâm ơn nghĩa của ân nhân với mình. |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Ca ngợi con hổ sống có nghĩa, có tình  - Đề cao đạo lý làm người, biết ơn người giúp đỡ mình  **2. Nghệ thuật**  - Truyện hư cấu  - Thành công trong sử dụng hình ảnh loại vật để nói đến con người  - Ngôn ngữ giản dị  - Tình huống truyện lôi cuốn, hấp dẫn |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  Câu 1: Ý nghĩa nghĩa của truyện:  A. Truyện đề cao tình cảm thủy chung giữa con người với con người.  B. Truyện đề cao tình cảm giữa con người với loài vật  **C. Truyện đề cao cái nghĩa và khuyên con người biết tôn trọng ân nghĩa**  D. Truyện ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của loài vật.  Câu 2: Truyện Con hổ có nghĩa thuộc thể loại:  A. Truyện cổ tích dân gian Việt Nam.  **B. Truyện Trung đại Việt Nam**  C. Truyện cười dân gian Việt Nam.  D. Truyện ngụ ngôn.  Câu 3: Thủ pháp nghệ thuật cơ bản nào bao trùm truyện Con hổ có nghĩa ?    A.Hoán dụ    B.Ẩn dụ  **C.Nhân hóa ,ẩn dụ**    D.Nhân hóa ,hoán dụ  Câu 4: Sau đó con hổ đã trả nghĩa bà đỡ Trần như thế nào?  **A. Hổ đực đào lên từ gốc cây một thỏi bạc và tặng bà đỡ**  B. Hai vợ chồng hổ thường mang tặng bà đỡ một vài con nai.  C. Hổ đực dẫn bà đỡ ra khỏi rừng.  D. Hổ đực tặng bà đỡ một thùng vàng to.  Câu 5: Vật con hổ tặng đã giúp được gì cho bà đỡ?  A. Chữa khỏi bệnh cho con bà đỡ.  B. Giúp bà sắm một số vật dụng trong nhà.  **C. Giúp bà cầm cự qua một năm mất mùa, đói kém**  D. Giúp bà làm nghề tốt hơn.  Câu 6: Truyện Con hổ có nghĩa nhằm mục đích gì?  A.Đề cao tình cảm thủy chung giữa con người với nhau .  **B. Đề cao cái nghĩa và khuyên con người luôn biết trọng ân nghĩa**  C.Đề cao tình cảm giữa loài vật với con người .    D.Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của loài vật  Câu 7: Truyện Con hổ có nghĩa đã:  **A. Mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người**  B. Mượn chuyện con người để nói chuyện con người.  C. Mượn chuyện loài vật để nói chuyện loài vật.  D. Mượn chuyện con người để nói chuyện loài vật.  Câu 8: Chi tiết nào thể hiện rõ nhất cái nghĩa của con hổ thứ nhất.  **A.Hổ đực cầm tay bà đỡ nhìn hổ cái ,nhỏ nước mắt**  B.Hổ đực đùa giỡn với hổ con mới sinh.  C.Bà đỡ Trần đỡ đẻ cho hổ .  D.Hổ đực tặng bạc cho bà đỡ .  Câu 9: Trong truyện, khi được bác tiều phu cứu sống, con hổ trắng đã tạ ơn bác bằng cách nào?  A. Con hổ chỉ cho bác tiều phu những nơi nhiều củi.  B. Hổ đem dê lợn đến để ngoài cửa nhà bác tiều.  C. Con hổ tặng cho bác tiều phu một thỏi bạc trắng.  **D. Con hổ tặng cho bác tiều phu một con nai**  Câu 10: Chuyện con hổ thứ hai so với truyện con hổ thứ nhất có thêm ý nghĩa gì?    A.Đền ơn ngay người đã giúp mình .    B.Đền ơn khi ân nhân còn sống .    C.Đền ơn trong nhiều năm .  **D.Đền ơn mãi ngay cả khi ân nhân đã chết**  Câu 11: Truyện Con hổ có nghĩa đề cao triết lí sống nào ?  **A.Tri ân trọng nghĩa**    B.Dũng cảm.    C.Không tham lam .    D.Giúp đỡ người khác .  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Gợi ý: |

**Chia sẻ cách hiểu của Nhâm về tiết Viết:**

Trước hết, sẽ chọn một vấn đề, vấn đề này sẽ có nhiều ý kiến khác nhau. Chẳng hạn “Học đại học- nên hay không nên”. Vấn đề này sẽ có các cách hiểu trái chiều nhau như:

(1) Nên học đại học vì đây là con đường ngắn nhất dẫn đến thành công

(2) Học đại học sẽ xin việc một cách dễ dàng, tiếp cận nhiều tri thức của nhân loại

(3) Học đại học không phải là con đường duy nhất dẫn đến thành công

Nhâm sẽ chọn ý 3 để minh họa cho học sinh, thầy cô sau khi chiếu video minh họa nên định hướng để học sinh chọn ý 1 để triển khai bài viết

|  |  |
| --- | --- |
| ***Câu hỏi*** | ***Câu trả lời*** |
| *Vấn đề gì được nêu ra để bàn luận?* | *Học đại học- nên hay không nên?* |
| *Vấn đề gợi ra những cách hiểu nào?* | *- Nên học đại học vì đây là con đường ngắn nhất dẫn đến thành công*  *- Học đại học sẽ xin việc một cách dễ dàng, tiếp cận nhiều tri thức của nhân loại*  *- Học đại học không phải là con đường duy nhất dẫn đến thành công* |
| *Ý kiến nào đáng quan tâm nhất?* | *Học đại học không phải là con đường duy nhất dẫn đến thành công* |
| *Quan điểm của bạn trước ý kiến được quan tâm nhiều nhất đó* | *Tán thành* |
| *Những lí lẽ và bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng?* | *- Lí lẽ 1: Không phải ai học đại học ra trường cũng xin được việc làm. Thậm chí cơ hội việc làm của nhóm tốt nghiệp đại học còn thấp hơn các nhóm lao động phổ thông*  *- Bằng chứng 1: +* Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2021, khoảng 2,8% cử nhân đại học thất nghiệp, trong khi người chưa từng đi học 1,5%. Trong đó Sư phạm là ngành có tỉ lệ thật nghiệp cao nhất (19%)  + Nhiều cử nhân, thậm chí là Thạc sĩ làm shipper, grap…  - Lí lẽ 2: Nhiều người học xong đại học chỉ để học lí thuyết hàn lâm trong khi kĩ năng thực tế lại không thuần thục  Bằng chứng 2: Theo các nhà tuyển dụng, kĩ năng mềm quyết định 75% thành công của con người, tuy nhiên đa số sinh viên mới ra trường lại thiếu kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng giao tiếp, đàm phán, quản lý thời gian, thiếu kinh nghiệm làm việc…  - Lí lẽ 3: Trên thế giới có nhiều người giàu có mà không cần học đại học  - Bằng chứng: Bill Gates, Mark Zuckerberg, Steve Jobs đều là những tỉ phú không có bằng đại học |

**Tiết theo PPCT: 82-83,84**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**(TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của bài văn biểu cảm về con người hoặc sự vật

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

- Trình bày được cảm xúc, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc để lại cho mình ấn tượng sâu sắc

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

- HS làm một bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu 2 dòng)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** Gv trình chiếu hình ảnh cây xanh trước và sau khi được cắt tỉa để học sinh có hình dung về văn bản trước và sau khi tóm tắt

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Ý kiến của em** | |
| **Tán thành** | **Không tán thành** |
| Mọi người cần phải đội nón bảo hiểm khi tham gia giao thông |  |  |
| Thất bại là mẹ thành công |  |  |
| Mỗi cá nhân tốt sẽ làm nên một xã hội phát triển |  |  |
| Con cái chỉ nên tập trung vào việc học |  |  |
| Chỉ có nhiều tiền mới khiến cuộc sống hạnh phúc |  |  |
| Hoạt động thiện nguyện mang lại nhiều giá trị cho cộng đồng |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *GV phát PHT cho hs, hs sẽ đánh dấu vào ô tán thành hoặc không tán thành với các vấn đề trong PHT*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới:  => Vậy làm thế nào để có thể viết một bài văn trình bày ý kiến tán thành của em về một vấn đề trong đời sống? Tiết viết hôm nay sẽ cùng em giải quyết vấn đề này | - Hs có thể tán thành hoặc không tán thành các ý kiến. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu khi viết một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Em hãy cho biết khi viết một bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) cần đảm bảo những yêu cầu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**  - Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.  - Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận.  - Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

- Biết cách phân tích văn bản mẫu

- Nhận biết được quy trình viết

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn hs tìm hiểu đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv phát phiếu học tập số 1 để Hs phân tích bài viết tham khảo*   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Biểu hiện** | | *Vấn đề nghị luận* |  | | *Ý kiến của người khác thu hút sự chú ý* |  | | *Quan điểm của người viết trước ý kiến* |  | | *Lí lẽ* |  | | *Bằng chứng* |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **\* Phân tích bài viết tham khảo**  - Văn bản:  Trường học đầu tiên:  - Bài viết nêu vấn đề: vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi con người.  - Ý kiến của người khác thu hút sự chú ý: Gia đình là trường học đầu tiên của mỗi người.  - Quan điểm của người viết về ý kiến: Người viết tán thành với ý kiến đó. (Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kĩ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí).  - Lí lẽ: Ông bà, cha mẹ không chỉ nuôi dưỡng, mà còn dạy bảo những điều hay lẽ phải cho ta từ thuở ấu thơ, tình cảm thiêng liêng cao đẹp, sự đối xử của các thành viên trong gia đình với nhau là những bài học thấm vào ta một cách tự nhiên.  - Bằng chứng:  + Người viết nhớ lại một kỉ niệm: giơ 4 ngón tay lên để trả lời cho câu hỏi của người lớn, khiến mẹ phải nhắc nhở. Điều này thành bài học đáng nhớ về thái độ trong giao tiếp. |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:**

- Viết được bài văn bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các bước trước khi viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định mục đích viết, người đọc?*  *+ Em dự định lựa chọn vấn đề nào?*  *+ Hướng dẫn Hs tìm ý cho bài viết theo PHT số 2*   |  |  | | --- | --- | | ***Câu hỏi*** | ***Câu trả lời*** | | *Vấn đề gì được nêu ra để bàn luận?* |  | | *Vấn đề gợi ra những cách hiểu nào?* |  | | *Ý kiến nào đáng quan tâm nhất?* |  | | *Quan điểm của bạn trước ý kiến được quan tâm nhiều nhất đó* |  | | *Những lí lẽ và bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng?* |  |   *+ Gv hướng dẫn hs sắp xếp phần tìm ý thành một dàn ý hoàn chỉnh theo mẫu:*  Soạn bài Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) | Hay nhất Soạn văn 7 Kết nối tri thức  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV 2: Hướng dẫn học viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  HS viết bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV3: Hướng dẫn học sinh chỉnh sửa bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv hướng dẫn hs chỉnh sửa bài viết theo gợi ý dưới đây*   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung rà soát** | **Hướng dẫn chỉnh sửa** | | Ý kiến về vấn đề đời sống đã nêu rõ ràng chưa? | Nếu ý kiến chưa nêu rõ trong phần mở bài thì phải bổ sung. | | Đã khẳng định được sự tán thành ý kiến chưa? | Nếu sự tán thành ý kiến thể hiện chưa rõ thì phải chỉnh sửa về cách diễn đạt. | | Việc tán thành ý kiến đã có sức thuyết phục chưa? Lí lẽ và bằng chứng được nêu có phù hợp với nội dung nghị luận không? | Bổ sung, thay đổi nếu thấy lí lẽ và bằng chứng chưa làm cho sự tán thành đủ sức thuyết phục. | | Đã rút ra được ý nghĩa của việc tán thành ý kiến chưa? | Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc tán thành ý kiến còn mờ nhạt. | | Việc sử dụng từ ngữ, câu văn, cách liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài đã đạt yêu cầu chưa? | Chỉnh sửa những lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc. |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  - Đề tài được chọn phải thoả mãn các điều kiện: phải là vấn để mình thực sự quan tâm và hiểu biết, có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá; có thể xác định thái độ dứt khoát đối với vấn đề đó.  Ví dụ:  - Học đại học- nên hay không nên?  - Thành công và thất bại  - Ham mê trò chơi điện tử.  - Đồ dùng bằng nhựa.  **b. Tìm ý, lập dàn ý**   |  |  | | --- | --- | | ***Câu hỏi*** | ***Câu trả lời*** | | *Vấn đề gì được nêu ra để bàn luận?* | *Học đại học- nên hay không nên?* | | *Vấn đề gợi ra những cách hiểu nào?* | *- Nên học đại học vì đây là con đường ngắn nhất dẫn đến thành công*  *- Học đại học sẽ xin việc một cách dễ dàng, tiếp cận nhiều tri thức của nhân loại*  *- Học đại học không phải là con đường duy nhất dẫn đến thành công* | | *Ý kiến nào đáng quan tâm nhất?* | *Học đại học không phải là con đường duy nhất dẫn đến thành công* | | *Quan điểm của bạn trước ý kiến được quan tâm nhiều nhất đó* | *Tán thành* | | *Những lí lẽ và bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng?* | *- Lí lẽ 1: Không phải ai học đại học ra trường cũng xin được việc làm. Thậm chí cơ hội việc làm của nhóm tốt nghiệp đại học còn thấp hơn các nhóm lao động phổ thông*  *- Bằng chứng 1: +* Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2021, khoảng 2,8% cử nhân đại học thất nghiệp, trong khi người chưa từng đi học 1,5%. Trong đó Sư phạm là ngành có tỉ lệ thật nghiệp cao nhất (19%)  + Nhiều cử nhân, thậm chí là Thạc sĩ làm shipper, grap…  - Lí lẽ 2: Nhiều người học xong đại học chỉ để học lí thuyết hàn lâm trong khi kĩ năng thực tế lại không thuần thục  Bằng chứng 2: Theo các nhà tuyển dụng, kĩ năng mềm quyết định 75% thành công của con người, tuy nhiên đa số sinh viên mới ra trường lại thiếu kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng giao tiếp, đàm phán, quản lý thời gian, thiếu kinh nghiệm làm việc…  - Lí lẽ 3: Trên thế giới có nhiều người giàu có mà không cần học đại học  - Bằng chứng: Bill Gates, Mark Zuckerberg, Steve Jobs đều là những tỉ phú không có bằng đại học |   **2. Viết bài**  - Triển khai các ý đã có trong dàn ý.  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**IV. Phụ lục**

**Tiết theo PPCT: 85**

**NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm kiểu bài kể lại truyện ngụ ngôn

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách kể lại một truyện ngụ ngôn

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh, giấy, màu, băng keo, keo, kéo...

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

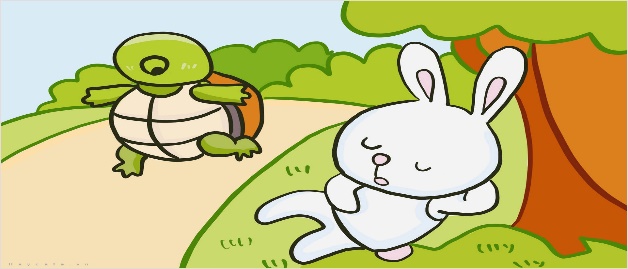
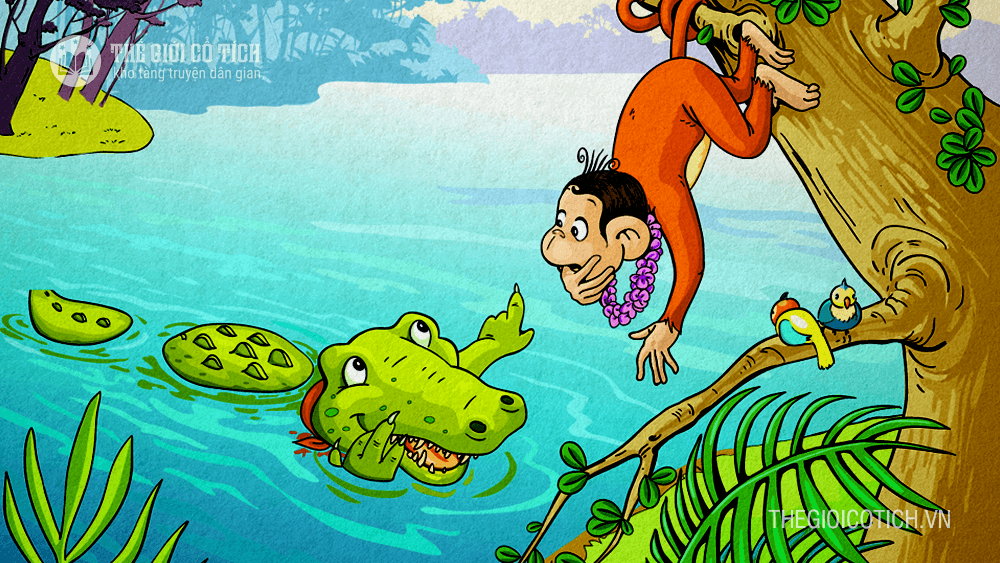
**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**





|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt tác phẩm”.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài: Các em vừa đoán tên một vài truyện ngụ ngôn. Vậy làm thế nào có thể kể lại được một truyện ngụ ngôn? Cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu tiết nói: Kể lại truyện ngụ ngôn | Gợi ý:  - Truyện Khỉ và Cá Sấu  - Thỏ và Rùa  - Con Cáo và chùm nho  - Cáo và Quạ |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn hs tìm hiểu bước trước khi nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Em hãy xác định mục đích nói và người nghe*  *+ Gv định hướng để hs chọn truyện ngụ ngôn và cách thức để kể lại một truyện ngụ ngôn*  *+ Gv hướng dẫn học sinh tập luyện*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trước khi nói**  **1. Xác định mục đích nói, người nghe**  - Mục đích: Kể một truyện ngụ ngôn nhằm rút ra bài học phù hợp với tình huống đời sống, đồng thời tạo được không khí vui vẻ trong một bối cảnh sinh hoạt cụ thể  - Người nghe: thầy cô, bạn bè...  **2. Chuẩn bị**  - Chọn truyện ngụ ngôn mà mình yêu thích. Ví dụ truyện: “Thầy bói xem voi”  - Nắm được cốt truyện, tóm lược nội dung.  - Lưu ý những chi tiết hình ảnh đặc sắc.  - Có thể sáng tạo thêm những cách diễn đạt thú vị hơn.  **3. Tập luyện**  - Tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét. |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:**

- Biết cách kể lại một truyện ngụ ngôn

**b. Nội dung:** Hs kể chuyện

**c. Sản phẩm học tập:** Bài kể chuyện của Hs

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv hướng dẫn học sinh một số điểm cần lưu ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **II. Trình bày bài nói**  Khi trình bày bài nói, em cần lưu ý:  - Mở đầu: Tạo không khí thoải mái, thu hút sự chú ý của người nghe.  - Triển khai: kể bằng lời kể sinh động, luôn tương tác với người nghe. Có thể sáng tạo khi kể.  - Tập trung lắng nghe để nắm được nội dung trình bày của bạn  - Chú ý cách trình bày và thái độ của người nói  - Ghi lại một số nội dung dự kiến sẽ thảo luận với người nói |

**Hoạt động 3: Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv gọi học sinh nhận xét, trao đổi về bài nói của bạn*  *. Qua mỗi chuyện em rút ra được bài học gì?*  *. Truyện kể có trung thành với văn bản gốc không?*  *. Người kể đã kết hợp với nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ chưa?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **III. Sau khi nói**  - Cùng người nghe bàn luận, bình phẩm về chi tiết, hình ảnh đặc sắc, bài học đạo lí rút ra từ câu chuyện vừa kể  - Trao đổi, rút kinh nghiệm về cách sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,…)  - Bạn bạc, trao đổi về cách sáng tạo khi kể để câu chuyện thêm thú vị, làm nổi bật bài học đạo lí và những kinh nghiệm sống mà câu chuyện ngụ ngôn muốn truyền tải |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Thực hành luyện nói và quay lại video gửi cho GV*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | Hs luyện nói và quay video |

**IV. Phụ lục**